



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐẠI TÍN

**BẢN TIN PHÁP LUẬT
THÁNG 01/2024**



MỤC LỤC

| | |
|--|-----------|
| A. VĂN BẢN MỚI | 1 |
| 1. Nghị quyết 42/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn | 1 |
| 2. Nghị định số 94/2023/NĐ-CP quy định chính sách giảm thuế GTGT theo Nghị quyết số 110/2023/QH15 | 2 |
| 3. Quyết định 22/QĐ-TCT 2024 Chương trình khung cập nhật kiến thức hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế | 3 |
| B. VĂN BẢN HƯỚNG DẪN | 5 |
| 1. Công ty liên doanh có vốn đầu tư về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu | 5 |
| 2. Công văn 46974/CTHN-TTHT Hà Nội 2023 điều kiện và hồ sơ chứng minh giảm trừ gia cảnh | 8 |
| 3. Công văn 230/TCT-KK của Tổng cục Thuế về tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp | 8 |
| 4. Công văn 238/TCT-TTKT 2024 chính sách thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết | 9 |
| C. ĐIỀU CẦN BIẾT THÊM | 10 |
| 1. Công văn 257/TCT-CS của Tổng cục Thuế về chính sách thuế về điều kiện khấu trừ, hoàn thuế giá trị gia tăng | 10 |
| 2. Công ty hết việc cho công nhân nghỉ có phải trả lương không? | 10 |
| 3. Công văn 15/TCT-KK 2024 khai bổ sung tăng số thuế GTGT đề nghị hoàn với dự án đầu tư | 12 |

A. VĂN BẢN MỚI

1. Nghị quyết 42/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn

Ngày ban hành: 18/12/2023

Ngày hiệu lực: 01/01/2024

Giảm 50% mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu từ 01/01/2024

Ngày 08/12/2023, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết 42/2023/UBTVQH15 về mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn. Cụ thể:



1. Giảm 50% mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 31/12/2024 như sau:

- Xăng (trừ etanol): 2.000 đồng/lít;
- Dầu diesel: 1.000 đồng/lít;
- Dầu hỏa: 600 đồng/lít;
- Dầu mazut, Dầu nhờn: 1.000 đồng/lít;
- Mỡ nhờn: 1.000 đồng/kg.
- Nhiên liệu bay: 1.000 đồng/lít.

2. Mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn từ ngày 01/01/2025 được tiếp tục thực hiện theo quy định tại Mục I Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 579/2018/UBTVQH14 ngày 26/9/2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Biểu thuế bảo vệ môi trường. Cụ thể:

- Xăng, trừ etanol: 4.000 đồng/lít;

- Nhiên liệu bay: 3.000 đồng/lít;
- Dầu diesel, dầu mazut, dầu nhòn: 2.000 đồng/lít;
- Dầu hỏa: 1.000 đồng/lít;
- Mỡ nhòn: 2.000 đồng/kg.

2. Nghị định số 94/2023/NĐ-CP quy định chính sách giảm thuế GTGT theo Nghị quyết số 110/2023/QH15

Ngày ban hành: 28/12/2023

Ngày hiệu lực: 01/01/2024

Theo đó, tiếp tục giảm thuế GTGT xuống 8% từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 30/6/2024 đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10%, trừ nhóm hàng hóa, dịch vụ sau:



- Viễn thông, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, kim loại và sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, sản phẩm khai khoáng (không kể khai thác than), than cốc, dầu mỏ tinh chế, sản phẩm hoá chất. Chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 94/2023/NĐ-CP.

- Sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt. Chi tiết tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 94/2023/NĐ-CP.

- Công nghệ thông tin theo pháp luật về công nghệ thông tin. Chi tiết tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 94/2023/NĐ-CP.

- Việc giảm thuế giá trị gia tăng cho từng loại hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định 94/2023/NĐ-CP được áp dụng thống nhất tại các khâu nhập khẩu, sản xuất, gia công, kinh doanh thương mại. Đối với mặt hàng than khai thác bán ra (bao gồm cả trường hợp than khai thác sau đó qua sàng tuyển, phân loại theo quy trình khép kín mới bán ra) thuộc đối tượng giảm thuế giá trị gia tăng. Mặt hàng than thuộc Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 94/2023/NĐ-CP, tại các khâu khác ngoài khâu khai thác bán ra không được giảm thuế giá trị gia tăng.

Các tổng công ty, tập đoàn kinh tế thực hiện quy trình khép kín mới bán ra cũng thuộc đối tượng giảm thuế giá trị gia tăng đối với mặt hàng than khai thác bán ra.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ nêu tại các Phụ lục I, II và III ban hành kèm theo Nghị định 94/2023/NĐ-CP thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

3. Quyết định 22/QĐ-TCT 2024 Chương trình khung cập nhật kiến thức hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế

Ngày ban hành: 10/01/2024

Ngày hiệu lực: 10/01/2024

Ngày 10/01/2024, Tổng cục Thuế đã ra Quyết định 22/QĐ-TCT ban hành Chương trình khung cập nhật kiến thức hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế năm 2024. Cụ thể:

1. 02 đối tượng được cập nhật kiến thức bao gồm:

- Nhân viên đại lý thuế;
- Người đăng ký ngành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế.

Trường hợp người được cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế trong năm 2023 và 2024 đăng ký hành nghề trong thời gian từ ngày được cấp chứng chỉ đến ngày 31/12/2024 thì không bắt buộc phải cập nhật kiến thức năm 2024.

2. Thời gian cập nhật kiến thức như sau: tối thiểu 24 giờ trong một năm.

Trong đó thời gian cập nhật tối thiểu đối với từng phần kiến thức cụ thể như sau:

- Phần I – Các quy định của pháp luật về thuế, phí, lệ phí và nội dung liên quan đến quản lý thuế: 20 giờ;
- Phần II – Các quy định của pháp luật về kế toán doanh nghiệp: 04 giờ.

3. Có thể tổ chức một số nội dung của từng phần kiến thức hoặc kết hợp một số nội dung của các phần kiến thức của chương trình nhưng phải quy định rõ số giờ cập nhật kiến thức được tính của từng Phần kiến thức đối với mỗi lớp học.



B. VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

1. Công ty liên doanh có vốn đầu tư về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu

Công ty liên doanh có vốn đầu tư của các bên góp vốn gồm: 1. Bên góp vốn Việt Nam: 30% vốn góp 2. Bên góp vốn Nhật (công ty mẹ thuộc tập đoàn): 50% vốn góp 3. Bên góp vốn Thái (công ty thuộc tập đoàn): 20% vốn góp. Hiện tại Quốc Hội đã ban hành Nghị Quyết 107/2023/QH15 - VỀ VIỆC ÁP DỤNG THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP BỔ SUNG THEO QUY ĐỊNH CHỐNG XÓI MÒN CƠ SỞ THUẾ TOÀN CẦU. Hai bên góp vốn nước ngoài của chúng tôi gồm Nhật (công ty mẹ thuộc tập đoàn) và Thái (công ty thuộc tập đoàn) có thuộc đối tượng áp dụng nộp bổ sung thuế TNDN theo Nghị quyết 107/2023/QH15 không? Nếu có thì phải thực hiện như thế nào? Công ty nước ngoài tự kê khai nộp thuế/ hay công ty chúng tôi (bên nhận vốn góp) phải kê khai nộp thuế cho Nhà nước? Hiện tại vẫn chưa có Nghị Định và Thông tư hướng dẫn theo Nghị quyết 107/2023/QH15. Chúng tôi chưa hiểu nếu doanh nghiệp thuộc đối tượng triển khai theo 107/2023/QH15 thì bao giờ chính thức thực hiện?



- Căn cứ Nghị quyết số 107/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung đối với người nộp thuế theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu:

+ Tại Điều 2 quy định về người nộp thuế:

“1. Đơn vị hợp thành của tập đoàn đa quốc gia có doanh thu trong báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao ít nhất 02 năm trong 04 năm liền kề trước năm tài chính tương đương 750 triệu euro (EUR) trở lên, trừ các trường hợp sau đây:

- a) Tổ chức của chính phủ;
- b) Tổ chức quốc tế;
- c) Tổ chức phi lợi nhuận;
- d) Quỹ hưu trí;
- đ) Quỹ đầu tư là công ty mẹ tối cao;

- e) Tổ chức đầu tư bất động sản là công ty mẹ tối cao;
- g) Tổ chức có ít nhất 85% giá trị tài sản thuộc sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các tổ chức quy định từ điểm a đến điểm e khoản này.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”

+ Tại Điều 4 quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (QDMTT):

“1. Đơn vị hợp thành hoặc tập hợp các đơn vị hợp thành của tập đoàn đa quốc gia theo quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này có hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam trong năm tài chính phải áp dụng quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn.

Trường hợp đơn vị hợp thành hoặc tập hợp các đơn vị hợp thành tại Việt Nam có thu nhập theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu và thuế suất thực tế tại Việt Nam dưới mức thuế suất tối thiểu thì thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn tại Việt Nam được xác định theo quy định tại khoản 2 và khoản 9 Điều này.

2. Số thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn được xác định theo công thức sau đây:

Số thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn = (Tỷ lệ thuế bổ sung x Lợi nhuận tính thuế bổ sung) + Số thuế bổ sung được điều chỉnh cho năm hiện hành (nếu có).

...

9. Số thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn sẽ được xác định bằng 0 (không) trong một năm tài chính nếu đơn vị hợp thành hoặc tập hợp các đơn vị hợp thành trong năm tài chính liên quan đáp ứng đồng thời các điều kiện sau đây:

a) Doanh thu bình quân theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại Việt Nam dưới 10 triệu EUR;

b) Thu nhập bình quân theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu tại Việt Nam dưới 01 triệu EUR hoặc lỗ.

Hàng năm, nếu đáp ứng điều kiện quy định tại khoản này, đơn vị hợp thành được lựa chọn áp dụng hoặc không áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn bằng 0 (không).

10. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”

+ Tại Điều 6 quy định về kê khai, nộp thuế và quản lý thuế:

“1. Đối với quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn, thời hạn nộp Tờ khai thông tin theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu, Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung kèm theo Bản thuyết minh giải trình chênh lệch do khác biệt giữa các chuẩn mực kế toán tài chính và thời hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung chậm nhất là 12 tháng sau ngày kết thúc năm tài chính.

...

3. Việc xác định đơn vị hợp thành kê khai, nộp thuế được quy định như sau:

a) Tập đoàn đa quốc gia có 01 đơn vị hợp thành tại Việt Nam thì đơn vị hợp thành đó thực hiện nộp tờ khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu;

b) Tập đoàn đa quốc gia có nhiều hơn 01 đơn vị hợp thành tại Việt Nam thì trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, tập đoàn đa quốc gia có văn bản thông báo chỉ định một trong những đơn vị hợp thành tại Việt Nam nộp tờ khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung của tập đoàn theo Quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.

Trường hợp hết thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, tập đoàn đa quốc gia không thông báo chỉ định đơn vị hợp thành tại Việt Nam nộp tờ khai và nộp thuế thì trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn phải thông báo, cơ quan thuế chỉ định đơn vị hợp thành tại Việt Nam nộp tờ khai và nộp thuế;

c) Khi có sự kiện dẫn đến việc thay đổi đơn vị hợp thành nộp tờ khai và nộp thuế thì trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày phát sinh sự kiện, tập đoàn đa quốc gia có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thuế. Quá thời hạn nêu trên mà tập đoàn đa quốc gia không thông báo thì trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thông tin, cơ quan thuế thông báo chỉ định đơn vị hợp thành phải nộp tờ khai và nộp thuế;

d) Trường hợp cơ quan thuế đã thông báo chỉ định đơn vị hợp thành phải nộp tờ khai và nộp thuế theo quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản này mà cơ quan thuế có thông tin về sự kiện dẫn đến việc thay đổi đơn vị hợp thành nộp tờ khai và nộp thuế thì trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thông tin, cơ quan thuế thông báo chỉ định đơn vị hợp thành khác phải nộp tờ khai và nộp thuế.

...”

Việc xác định đối tượng người nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung được thực hiện theo Khoản 1 Điều 2, Khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 107/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội. Việc kê khai, nộp thuế thực hiện theo Điều 6 Nghị quyết số 107/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội nêu trên. Đề nghị Độc giả căn cứ vào tình hình thực tế phát sinh tại Công ty, đối chiếu với quy định nêu trên để thực hiện đúng quy định của pháp luật.



2. Công văn 46974/CTHN-TTHT Hà Nội 2023 điều kiện và hồ sơ chứng minh giảm trừ gia cảnh

Trường hợp người nộp thuế đăng ký người phụ thuộc là cha đẻ, mẹ đẻ; cha vợ, mẹ vợ (hoặc cha chồng, mẹ chồng); cha dượng, mẹ kế; cha nuôi, mẹ nuôi hợp pháp đáp ứng điều kiện được tính là người phụ thuộc theo quy định tại điểm đ, khoản 1, điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC, đồng thời có đủ hồ sơ chứng minh người phụ thuộc theo quy định tại điểm g3, khoản 1, điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC (không yêu cầu thành phần hồ sơ phải có giấy



tờ chứng minh thu nhập) của Bộ Tài chính thì người nộp thuế được khai giảm trừ gia cảnh khi xác định thu nhập chịu thuế TNCN theo quy định.

Người nộp thuế phải tự kê khai và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của dữ liệu kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật quản lý Thuế số 38/2019 ngày 13/6/2019 của Quốc hội.

3. Công văn 230/TCT-KK của Tổng cục Thuế về tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp



Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại khai quyết toán theo năm, tạm nộp thuế theo quý. Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại khai quyết toán theo năm, tạm nộp thuế theo quý. Theo quy định tại Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành, người nộp thuế không có nghĩa vụ khai, nộp hồ sơ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp quý. Người nộp thuế phải tự xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp quý. Số

thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp khai trên tờ khai quyết toán thuế năm là số tiền thuế thực nộp của người nộp thuế; hành vi không nộp, nộp thiếu thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp không bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai thiếu thuế quy định tại Điều 16 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020.

4. Công văn 238/TCT-TTKT 2024 chính sách thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết

Trường hợp một doanh nghiệp (bao gồm cả tổ chức tín dụng là ngân hàng) bảo lãnh hoặc cho một doanh nghiệp khác vay vốn dưới bất kỳ hình thức nào nếu thỏa mãn quy định tại điểm d khoản 2 Điều 5 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP thì được xác định là các bên có quan hệ liên kết. Khi đó, các giao dịch liên kết quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP phát sinh giữa các bên có quan hệ liên kết thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định.

Trường hợp doanh nghiệp có phát sinh giao dịch liên kết thuộc phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP thì chi phí lãi vay được trừ được xác định theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành, đồng thời được xác định theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 16 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ.



C. ĐIỀU CẦN BIẾT THÊM

1. Công văn 257/TCT-CS của Tổng cục Thuế về chính sách thuế về điều kiện khấu trừ, hoàn thuế giá trị gia tăng



CONDITIONS FOR VAT REFUND

Trường hợp đến hạn thanh toán của hợp đồng, phụ lục hợp đồng xuất khẩu của Công ty mà Công ty không cung cấp được chứng từ đã thanh toán là không đảm bảo điều kiện về khấu trừ, hoàn thuế GTGT. Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh thực hiện thu hồi số tiền thuế đã hoàn và xử lý theo đúng quy định của Luật Thuế GTGT, Luật Quản lý thuế.

2. Công ty hết việc cho công nhân nghỉ có phải trả lương không?

Trường hợp công ty chủ động cho người lao động nghỉ làm khi hết việc thuộc trường hợp ngừng việc không do lỗi của người lao động.

Căn cứ khoản 3 Điều 99 Bộ luật lao động năm 2019, nếu ngừng việc vì lý do kinh tế thì người lao động và người sử dụng lao động được thỏa thuận về tiền lương trong thời gian ngừng việc chứ không buộc phải trả lương theo hợp đồng lao động.

Như vậy, trường hợp công ty hết chủ động cho công nhân nghỉ việc thì vẫn phải trả lương

Tiền lương được trả trong thời gian nghỉ khi công ty hết việc được xác định theo tiền lương ngừng việc quy định tại khoản 3 Điều 99 Bộ luật lao động. Cụ thể như sau:

- Ngừng việc không quá 14 ngày làm việc:

Tiền lương do các bên thỏa thuận nhưng không được thấp hơn mức lương tối thiểu.

Dẫn chiếu Điều 3 Nghị định 38/2022/NĐ-CP quy định về mức lương tối thiểu vùng như sau:

| Vùng | Mức lương tối thiểu vùng |
|----------|--------------------------|
| Vùng I | 4.680.000 đồng/tháng |
| Vùng II | 4.160.000 đồng/tháng |
| Vùng III | 3.640.000 đồng/tháng |
| Vùng IV | 3.250.000 đồng/tháng |

- Ngày ngừng việc trên 14 ngày làm việc:

Tiền lương do các bên thỏa thuận nhưng phải đảm bảo:

- Tiền lương ngừng việc trong 14 ngày đầu tiên không thấp hơn mức lương tối thiểu.
- Tiền lương từ ngày thứ 15 trở đi do các bên tự thỏa thuận mà không bị giới hạn mức tối thiểu cũng như mức tối đa.

Nếu tự cho người lao động ngừng việc mà không trả hoặc trả không đủ tiền lương ngừng việc cho người đó thì người sử dụng lao động sẽ bị xử phạt hành chính từ 05 đến 50 triệu đồng, tùy vào số lượng người lao động bị xâm phạm quyền lợi (theo khoản 2 Điều 17 Nghị định 12/2022/NĐ-CP).

3. Công văn 15/TCT-KK 2024 khai bổ sung tăng số thuế GTGT đề nghị hoàn với dự án đầu tư

Trường hợp đã nộp hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng mẫu 01/GTGT kỳ tính thuế quý 2/2022 (kỳ tính thuế tiếp theo kỳ tính thuế Công ty phát sinh đề nghị hoàn) đến cơ quan thuế và đã chuyển số thuế đầu vào còn được khấu trừ của dự án đầu tư trên tờ khai mẫu 02/GTGT kỳ tính thuế quý 1/2022 sang tờ khai mẫu 01/GTGT kỳ tính thuế quý 2/2023 để khấu trừ tiếp thì Công ty không được khai bổ sung tăng số thuế giá trị gia tăng đề nghị hoàn trên tờ khai mẫu 02/GTGT kỳ tính thuế quý 1/2022 theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐẠI TÍN là tổ chức kiểm toán, tư vấn tài chính chuyên nghiệp, cung cấp các dịch vụ chất lượng cao bao gồm: Kiểm toán, kế toán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư, tư vấn M&A, tư vấn thuế và đào tạo.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐẠI TÍN được thành lập và điều hành bởi đội ngũ sáng lập viên và các chuyên gia tâm huyết, am tường về kiểm toán, kế toán, tài chính và quản trị, có nhiều năm nắm giữ vị trí quản lý trong các công ty hàng đầu trong và ngoài nước. Điều này giúp Đại Tín có được một đội ngũ nhân lực cao cấp và có thể cung cấp cho khách hàng các dịch vụ phù hợp với Việt Nam song đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng quốc tế.

Liên hệ

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐẠI TÍN

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN, TÀI CHÍNH, TƯ VẤN THUẾ.

Văn Phòng : 622/3 Cộng Hòa, Phường.13, Q. Tân Bình, Tp.HCM

Trụ sở : 750/1/15 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Tp.HCM.

ĐT : 0283 500 4494 **Web:** www.kiemtoandaitin.com

Email : info@kiemtoandaitin.com

Hotline : Ms.Trang - Tổng Giám Đốc - 0903 928 235 & 0913 484 490

Mr. Lăng - Giám Đốc Kinh Doanh (tiếng Trung) - 0908 608 955

Mr. Thuận - Giám đốc kiểm toán - 0973 307 912

Ms. Nhung - Giám đốc kiểm toán - 0946 082 828